TNV-V00MU103

General Conditions for Verification/Validation service of Greenhouse gas Statement and Use of Marks according to ISO 17029, ISO 14065 and ISO 14064-3
Thoả thuận chung về dịch vụ thẩm tra/thẩm đinh Tuyên bố khí nhà kính và sử dụng dấu phù hợp theo ISO 17029, ISO 14065 và ISO 14064-3

REVISION HISTORY *LỊCH SỬ SỬA ĐỔI*		
REV	**Effective Date** ***Ngày có hiệu lực***	**Reason / Content of Changes** ***Lý do/ Nội dung của thay đổi***
00	28/02/2024	Initial adoption *Áp dụng lần đầu*
01	10/05/2024	Update clearly statement responsible and authorities. *Cập nhật rõ ràng trách nhiệm và quyền hạn của người tuyên bố*
02	10/06/2024	Update obligations of the verification/validation body and clients Revise name of document *Cập nhật nghĩa vụ của tổ chức thẩm định/thẩm tra và khách hàng* *Sửa lại tên tài liệu*
03	10.10.2025	Update bi-language Cập nhật song ngữ

REV	PREPARED	REVIEWED	APPROVED
03	TÜVNORD Digitally signed by Doan Minh Quang Date: 2025.10.10 15:56:22 +07'00' Quality Manager ĐOÀN MINH QUANG 10.10.2025	TÜVNORD General Manager LÊ SỸ TRUNG 10.10.2025	Digitally signed by Le Sy Trung Date: 2025.10.10 17:03:40 +07'00' General Manager LÊ SỸ TRUNG 10.10.2025

Table of contents

1 SCOPE OF APPLICATION
PHẠM VI ÁP DỤNG **3**
2 OBLIGATIONS OF THE VERIFICATION/VALIDATION BODY AND THE CLIENT
NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC THẨM TRA/THẨM ĐỊNH VÀ KHÁCH HÀNG **3**
2.1 Obligations of the verification/validation body
Nghĩa vụ của tổ chức thẩm tra/thẩm định 3
2.2 Obligations of the client
Nghĩa vụ của khách hàng 5
3 VALIDITY AND RIGHTS OF USE OF THE VERIFICATION/VALIDATION OPINION AND ITS MARKS
HIỆU LỰC VÀ QUYỀN SỬ DỤNG Ý KIẾN THẨM TRA/THẨM ĐỊNH VÀ DẤU PHÙ HỢP **6**
4 TERMINATION OF RIGHT OF USE
CHẤM DỨT QUYỀN SỬ DỤNG **8**
4.1 Termination of the right of use of Opinion and its marks
Chấm dứt quyền sử dụng Ý kiến và dấu phù hợp 8
4.2 Verification/Validation body
Tổ chức thẩm tra/thẩm định 9
4.3 Client
Khách hàng 10
4.4 Right to immediate termination of the contract
Quyền chấm dứt hợp đồng ngay lập tức 10

1 SCOPE OF APPLICATION

PHẠM VI ÁP DỤNG

This document provides general conditions information by TUV NORD Vietnam hereby called as Verification/Validation Body when delivering Verification/Validation service according to ISO 17029, ISO 14065 and ISO 14064-3.

Tài liệu này cung cấp các thông tin về thoả thuận chung do TÜV NORD Việt Nam, sau đây gọi là Tổ chức Thẩm tra/Thẩm định — ban hành khi cung cấp dịch vụ Thẩm tra/Thẩm định theo các tiêu chuẩn ISO 17029, ISO 14065 và ISO 14064-3.

The following terms apply equally to Verification/Validation of Greenhouse gas statements and its marks, as well as to annexes or supplements of Opinion in the field of ISO 17029, ISO 14065 and 14064-3. In such of cases where marks are not indicated, the following arrangements apply only to Opinions.

Các điều khoản sau đây được áp dụng tương tự cho việc Thẩm tra/Thẩm định các báo cáo phát thải khí nhà kính (GHG) và các dấu phù hợp liên quan, cũng như cho các phụ lục hoặc tài liệu bổ sung của bản Ý kiến trong phạm vi các tiêu chuẩn ISO 17029, ISO 14065 và ISO 14064-3. Trong những trường hợp không có dấu phù hợp, các quy định dưới đây chỉ áp dụng đối với bản Ý kiến.

2 OBLIGATIONS OF THE VERIFICATION/VALIDATION BODY AND THE CLIENT

NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC THẨM TRA/THẨM ĐỊNH VÀ KHÁCH HÀNG

2.1 Obligations of the verification/validation body

Nghĩa vụ của tổ chức thẩm tra/thẩm định

■ The TUV NORD Vietnam shall treat confidentially, in accordance with the agreed confidentiality rules, all the information regarding the client's organization to which it has been granted access, and shall use this information solely for the agreed purpose. Documents and information made available shall not be forwarded to third parties. Provision of documents for accreditation bodies within the framework of monitoring and surveillance of the verification/validation body, and also detailed reporting and rendering of information to the arbitration body in cases of conflict, are excluded from this obligation of confidentiality.

TÜV NORD Việt Nam có trách nhiệm bảo mật toàn bộ thông tin liên quan đến tổ chức của khách hàng mà đơn vị có quyền truy cập, tuân thủ theo các quy định bảo mật đã được thống nhất, và chỉ sử dụng thông tin này cho mục đích đã thỏa thuận. Các tài liệu và thông tin được cung cấp không được chuyển giao cho bên thứ ba. Việc cung cấp tài liệu cho các tổ chức công nhận trong khuôn khổ hoạt động giám sát và kiểm tra Tổ chức Thẩm tra/Thẩm định, cũng như việc báo cáo chi tiết hoặc cung cấp thông tin cho cơ quan trọng tài trong trường hợp có tranh chấp, không thuộc phạm vi ràng buộc bảo mật này.

■ In case of information about the client obtained from sources other than the client (e.g. complainant, regulatory authority), it shall be treated confidentially between the client and verification/validation body. The provider (source) of this information shall be confidential to the body and shall not be shared with the client, unless agreed by the source.

Trong trường hợp thông tin về khách hàng được thu thập từ nguồn khác ngoài khách hàng (ví dụ: người khiếu nại, cơ quan quản lý), thông tin này sẽ được bảo mật giữa khách hàng và Tổ chức Thẩm

tra/Thẩm định. Nguồn cung cấp thông tin sẽ được giữ kín và không chia sẻ với khách hàng, trừ khi nguồn cung cấp đồng ý.

■ The verification/validation body shall operate management system for certification, surveillance and recertification based on the requirements defined in the quality management system. The requirements of the standard or quality standard referred to in the offer, and those of the national legislation on which the accreditation / designation of the verification/validation body / notified body is based, form the basis of the verification/validation. The verification/validation body shall issue an Opinion and (depending on the standard) if applicable a mark (see section 2).

Tổ chức Thẩm tra/Thẩm định có trách nhiệm vận hành các hoạt động hệ thống quản lý để chứng nhận, giám sát và tái chứng nhận dựa trên các yêu cầu được quy định trong hệ thống quản lý chất lượng. Việc thẩm tra/thẩm định dựa trên các yêu cầu của tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn chất lượng được nêu trong báo giá, cùng với các quy định pháp lý quốc gia liên quan đến việc công nhận/chỉ định của Tổ chức Thẩm tra/Thẩm định/ Tổ chức được thông báo. Sau khi hoàn tất quá trình, Tổ chức Thẩm tra/Thẩm định sẽ ban hành bản Ý kiến và, nếu áp dụng theo tiêu chuẩn tương ứng, sẽ cấp dấu phù hợp (xem Mục 2).

■ The Verification/Validation Body is responsible for and shall retain authorities for, its verification/validation Opinions.

Tổ chức Thẩm tra/Thẩm định chịu trách nhiệm và duy trì toàn quyền đối với các bản Ý kiến đã ban hành.

■ The verification/validation body shall keep and publish a list of the verified/validated organizations/projects/products, also stating the statement of the verification/validation on request.

Tổ chức Thẩm tra/Thẩm định có trách nhiệm lưu trữ và công bố danh sách các tổ chức/dự án/sản phẩm đã được thẩm tra/thẩm định, đồng thời cung cấp bản tuyên bố thẩm tra/thẩm định khi có yêu cầu.

■ Complaints of third parties regarding Greenhouse gas statements of clients who have been verified/validated by the verification/validation body shall be recorded in writing, checked and then dealt with.

Các khiếu nại từ bên thứ ba liên quan đến báo cáo phát thải khí nhà kính của khách hàng đã được TÜV NORD Việt Nam thẩm tra/thẩm định sẽ được ghi nhận bằng văn bản, xem xét và xử lý.

■ The verification/validation body shall record complaints and claims of the client with regard to the verification/validation procedure in writing, check the facts of the case and investigate the complaints/claims. If no agreement is reached between the client and the verification/validation body, the complaints/claims procedure available on the website of TÜV NORD Vietnam (https://www.tuev-nord.de/en/downloads-tuev-nord-cert/) shall be applied.

Tổ chức Thẩm tra/Thẩm định sẽ ghi nhận các khiếu nại và yêu cầu của khách hàng liên quan đến quy trình thẩm tra/thẩm định, xem xét thực tế và điều tra nguyên nhân.Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa khách hàng và Tổ chức Thẩm tra/Thẩm định, quy trình khiếu nại và giải quyết công bố trên trang web của TÜV NORD Việt Nam (https://www.tuev-nord.de/en/downloads-tuev-nord-cert/) sẽ được áp dụng.

■ The verification/validation body may also communicate to other interested parties the fact that reliance of the original statement can now be compromised given the new facts or information.

Tổ chức Thẩm tra/Thẩm định có thể thông báo cho các bên liên quan khác nếu xuất hiện thông tin hoặc bằng chứng mới có thể làm ảnh hưởng đến tính tin cậy của bản tuyên bố gốc.

2.2 Obligations of the client

Nghĩa vụ của khách hàng

■ At least three weeks (21 days) before performance of the on-site verification/validation the client shall provide the necessary documents and data to the verification/validation team leader.

Ít nhất ba tuần (21 ngày) trước khi thực hiện thẩm tra/thẩm định tại hiện trường, khách hàng phải cung cấp đầy đủ các tài liệu và dữ liệu cần thiết cho Trưởng đoàn Thẩm tra/Thẩm định.

■ The client undertakes to permit any visits of further verification/validation participants (including verifiers/validators, observers, trainees and/or assessors under accredited verification scheme) and to make all necessary arrangements for the conduct of the verification/validation process (including provisions for examining documentation, data as well as access to all relevant processes, areas, records, and personnel which are related to scope of verification/validation).\

Khách hàng cam kết cho phép các thành viên tham gia quá trình thẩm tra/thẩm định (bao gồm: chuyên gia thẩm tra/thẩm định, người quan sát, tập sự viên, và/hoặc chuyên gia đánh giá thuộc chương trình được công nhận) đến làm việc và chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để quy trình được tiến hành thuận lợi. Điều này bao gồm việc cung cấp hồ sơ, dữ liệu, cũng như quyền truy cập vào các quy trình, khu vực, hồ sơ và nhân sự có liên quan đến phạm vi thẩm tra/thẩm định.

■ The client shall name a contact person from the company management board who is generally responsible for the execution of the verification/validation.

Khách hàng cần chỉ định một người đại diện thuộc ban lãnh đạo công ty, chịu trách nhiệm chính trong việc phối hợp và thực hiện quá trình thẩm tra/thẩm định.

■ The client shall perform and complete greenhouse gas statements before starting of the verification/validation process, covering all the reporting boundary and scope.

Khách hàng có trách nhiệm hoàn thiện bản tuyên bố/báo cáo phát thải khí nhà kính trước khi bắt đầu quá trình thẩm tra/thẩm định, đảm bảo bao quát toàn bộ phạm vi và ranh giới báo cáo.

■ The client is obliged to inform the verification/validation body immediately in writing of all important changes which occur after issue of Opinion or after extensions or adjustment to Opinion. This applies, for example, to changes regarding the legal and organizational form of the company, the economic or ownership situation of the company, changes to the contact address and the sites of the company as well as significant changes to the greenhouse gas statement.

Sau khi bản Ý kiến được ban hành, hoặc sau khi có mở rộng hay điều chỉnh, khách hàng phải thông báo ngay bằng văn bản cho Tổ chức Thẩm tra/Thẩm định về mọi thay đổi quan trọng, bao gồm nhưng không giới hạn ở: Thay đổi về hình thức pháp lý hoặc cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, thay đổi về tình hình tài chính hoặc quyền sở hữu. thay đổi địa chỉ liên hệ hoặc địa điểm hoạt động, các thay đổi đáng kể trong bản tuyên bố phát thải khí nhà kính.

■ In order to avoid situations of conflict between the verification/validation body and a possible advisory or consultancy organization, the client shall inform the verification/validation body of advisory or consultancy services that have been used in the area of greenhouse gas inventory before or after conclusion of the contract. This also includes organizations that have carried out “in-house training”.

Để tránh xung đột lợi ích giữa Tổ chức Thẩm tra/Thẩm định và các đơn vị tư vấn, khách hàng phải thông báo cho Tổ chức Thẩm tra/Thẩm định về bất kỳ dịch vụ tư vấn nào đã hoặc sẽ được sử dụng trong lĩnh vực kiểm kê khí nhà kính, trước hoặc sau khi ký hợp đồng. Điều này cũng áp dụng cho các tổ chức đã thực hiện đào tạo nội bộ liên quan đến lĩnh vực này.

■ Within the framework of maintenance of the accreditation, notification, appointment, approval etc. the client hereby agrees that assessors from accreditation organizations may attend audits possibly taking place within his organization, e.g. for a witness audit (participation of the accreditation body in

a (re)-certification/surveillance audit) and that the accreditation organization may have access to and view the files.

Trong khuôn khổ duy trì công nhận, chỉ định hoặc phê duyệt, khách hàng đồng ý cho phép các chuyên gia đánh giá của tổ chức công nhận tham gia vào cuộc đánh giá được thực hiện tại doanh nghiệp, ví dụ như đánh giá giám sát trực tiếp (witness audit) trong quá trình (tái) chứng nhận hoặc giám sát. Tổ chức công nhận cũng có quyền truy cập và xem xét hồ sơ liên quan.

■ It can be necessary to perform additional short-notice or unannounced verification/validation, e.g. in order to investigate complaints, as a consequence of changes or as follow-up for suspended opinion. In such cases the verification/validation body specifies the conditions under which these short-notice visits are to take place. It is not possible to object to members of the verification/validation team for short-notice audits. Costs resulting from the additional verification/validation will be charged to the client.

Trong một số trường hợp, có thể cần thực hiện các cuộc thẩm tra/thẩm định đột xuất hoặc ngắn hạn, ví dụ: Điều tra khiếu nại, xử lý thay đổi trong tổ chức hoặc báo cáo, theo dõi sau khi Ý kiến chuyên môn bị tạm dừng. Khi đó, Tổ chức Thẩm tra/Thẩm định sẽ thông báo điều kiện cụ thể để tiến hành các cuộc đánh giá này. Khách hàng không thể phản đối thành viên của đoàn thẩm tra/thẩm định trong các trường hợp đánh giá đột xuất. Mọi chi phí phát sinh từ các cuộc thẩm tra/thẩm định bổ sung này sẽ do khách hàng chi trả.

3 VALIDITY AND RIGHTS OF USE OF THE VERIFICATION/VALIDATION OPINION AND ITS VERIFICATION/VALIDATION MARKS

HIỆU LỰC VÀ QUYỀN SỬ DỤNG Ý KIẾN THẨM TRA/THẨM ĐỊNH VÀ DẤU PHÙ HỢP THẨM TRA/THẨM ĐỊNH

- The opinion shows the carbon footprint of the product or greenhouse gas emission of company, projects or others at a certain point in time. The validity of the opinion starts with the date of opinion issuance. The term of the Opinion depends on the observation period on which the verification/validation is based. An annex or addition to a Opinion is only valid in conjunction with the valid issued Opinion. The same prerequisites apply to the use of the verification/validation mark.

  Bản Ý kiến thể hiện dấu chân carbon của sản phẩm hoặc lượng phát thải khí nhà kính của doanh nghiệp, dự án hay đối tượng khác tại một thời điểm nhất định. Hiệu lực của bản Ý kiến bắt đầu từ ngày phát hành. Thời hạn của bản Ý kiến phụ thuộc vào khoảng thời gian quan trắc mà việc thẩm tra/thẩm định dựa trên đó. Mọi phụ lục hoặc bổ sung cho bản Ý kiến chỉ có giá trị khi đi kèm với bản Ý kiến gốc còn hiệu lực. Các quy định tương tự cũng được áp dụng cho việc sử dụng dấu thẩm tra/thẩm định.

- The scope of the verification/validation is listed in the English or Vietnamese text. Translation into other languages takes place to the best of our knowledge. In cases of doubt or contradictions, the English version of the certificate is definitive.

  Phạm vi thẩm tra/thẩm định được thể hiện bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt. Việc dịch sang ngôn ngữ khác được thực hiện theo hiểu biết và năng lực tốt nhất của tổ chức. Trong trường hợp có nghi ngờ hoặc mâu thuẫn, phiên bản tiếng Anh của chứng chỉ sẽ là bản có giá trị pháp lý cuối cùng.

- The verification/validation marks to be used in the individual case depends on the Opinion which is issued.

Dấu thẩm tra/thẩm định được sử dụng phụ thuộc vào loại bản Ý kiến được ban hành.

- Approval for use of the verification/validation mark only applies exclusively to the verified/validated objects (e.g. company, operating facilities, projects or products) of the client, as indicated in the Opinion. Use of the verification/validation mark outside the scope of the Opinion is not permitted.

  Quyền được phép sử dụng dấu thẩm tra/thẩm định chỉ áp dụng riêng cho đối tượng (ví dụ: doanh nghiệp, cơ sở hoạt động, dự án hoặc sản phẩm) đã được nêu trong bản Ý kiến. Việc sử dụng dấu ngoài phạm vi được nêu trong bản Ý kiến là không được phép.

- Use of the verification/validation Opinion and its mark is limited to the client, and may not be transferred to third parties or legal successors without the express approval of the Verification/Validation body. If the client wishes to transfer these, a corresponding application must be submitted. A new verification/validation may be performed if necessary.

  Bản Ý kiến và dấu thẩm tra/thẩm định chỉ được sử dụng bởi khách hàng, không được chuyển nhượng cho bên thứ ba hoặc người kế thừa pháp lý nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của Tổ chức Thẩm tra/Thẩm định. Nếu khách hàng muốn chuyển giao quyền sử dụng, cần nộp hồ sơ đề nghị và trong một số trường hợp, có thể phải tiến hành thẩm tra/thẩm định lại.

- The verification/validation mark may only be used in the form provided by the Verification/Validation body. The mark must be easy to read and clearly visible. The client is not authorized to change the Opinion and/or the mark. The Opinion and the mark must not be used in a misleading manner e.g. for advertising purposes.

  Dấu thẩm tra/thẩm định chỉ được sử dụng theo đúng định dạng do Tổ chức Thẩm tra/Thẩm định cung cấp, phải dễ đọc và hiển thị rõ ràng. Khách hàng không được phép chỉnh sửa nội dung của bản Ý kiến hoặc dấu. Bản Ý kiến và dấu không được sử dụng gây hiểu lầm, ví dụ như cho mục đích quảng cáo sai lệch.

- The verification/validation mark may only be used by the client and only in immediate association with the verified/validated unit (organization or company name, company logo, product, service etc.).

  Dấu thẩm tra/thẩm định chỉ được khách hàng sử dụng, và chỉ trong mối liên hệ trực tiếp với đối tượng đã được thẩm tra/thẩm định, chẳng hạn như tên tổ chức, tên công ty, logo, sản phẩm, dịch vụ, v.v.

- The client must ensure that the verification/validation mark and the Opinion are only used in competition in such a way that a statement regarding the verification/validation is made corresponding to the verified/validated area of the client.
  Khách hàng phải đảm bảo việc sử dụng bản Ý kiến và dấu thẩm tra/thẩm định trong hoạt động truyền thông hoặc cạnh tranh phải phản ánh đúng phạm vi đã được thẩm tra/thẩm định, không được mở rộng hoặc gây hiểu sai.

- In the context of competition, the client must also make sure to avoid the impression that the verification/validation by the Verification/Validation body is equivalent to a governmental agency.

  Trong bối cảnh cạnh tranh, khách hàng cũng phải tránh tạo ấn tượng rằng TÜV NORD Việt Nam hoặc Tổ chức Thẩm tra/Thẩm định là cơ quan nhà nước hoặc có thẩm quyền chính phủ.

- Changes to the verified/validated unit must be reported immediately to the Verification/Validation body. The Verification/Validation body may make maintenance of the Opinion conditional on compliance with the underlying verification/validation standards or a supplementary criterion.

  Mọi thay đổi liên quan đến đối tượng đã được thẩm tra/thẩm định phải được thông báo ngay cho Tổ chức Thẩm tra/Thẩm định. Tổ chức có thể điều kiện hóa việc duy trì hiệu lực của bản Ý kiến dựa trên sự tuân thủ các tiêu chuẩn hoặc tiêu chí bổ sung.

- If a claim is made against the Verification/Validation body under the principles of product/service liability as a result of the client using the Opinion and/or its mark in a manner contrary to the contract, the client shall be obliged to indemnify the Verification/Validation body against all claims of third parties. The same applies to cases in which a claim is made against the Verification/Validation body by a third party based on advertising claims or other behavior on the part of the client.

  Nếu Tổ chức Thẩm tra/Thẩm định bị khiếu nại hoặc chịu trách nhiệm pháp lý (ví dụ theo quy định về trách nhiệm sản phẩm/dịch vụ) do khách hàng sử dụng bản Ý kiến hoặc dấu không đúng hợp đồng, khách hàng có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại và bảo vệ tổ chức khỏi các khiếu nại từ bên thứ ba. Quy định này cũng áp dụng trong trường hợp có khiếu nại hoặc kiện tụng từ bên thứ ba liên quan đến quảng cáo sai lệch hoặc hành vi khác của khách hàng.

- The client receives the non-transferable, non-exclusive right, limited to the contractual term, to make use of the mark and the Opinion in accordance with the conditions stated above. In the event of suspension or withdrawal of the Opinion, neither the Opinion nor its mark may be used from the date of suspension or withdrawal onwards (irrespective of contractual term).

  Khách hàng được cấp quyền không độc quyền, không chuyển nhượng, giới hạn trong thời hạn hợp đồng, để sử dụng bản Ý kiến và dấu theo các điều kiện nêu trên. Trong trường hợp bản Ý kiến bị đình chỉ hoặc thu hồi, mọi quyền sử dụng bản Ý kiến và dấu sẽ chấm dứt ngay lập tức kể từ ngày đình chỉ hoặc thu hồi, bất kể thời hạn hợp đồng còn lại.

4 TERMINATION OF RIGHT OF USE

CHẤM DỨT QUYỀN SỬ DỤNG

4.1 Termination of the right of use of Opinion and its marks

Chấm dứt quyền sử dụng bản Ý kiến và dấu thẩm tra/thẩm định

The right of the client to use the mark and to claim ownership of the Opinion ends automatically with immediate effect without the need for an express statement of termination, where e.g.

Quyền của khách hàng trong việc sử dụng dấu phù hợp và công bố quyền sở hữu bản Ý kiến sẽ tự động chấm dứt ngay lập tức, không cần thông báo chấm dứt bằng văn bản, trong các trường hợp sau:

- the client does not immediately report to the Verification/Validation body changes in the circumstances relevant to the verified/validated unit (company, product, service etc.) or indications that such changes could materially affect to the Opinion after being issued.

Khách hàng không kịp thời thông báo cho Tổ chức Thẩm tra/Thẩm định về những thay đổi liên quan đến đối tượng đã được thẩm tra/thẩm định (doanh nghiệp, sản phẩm, dịch vụ, v.v.) hoặc có dấu hiệu thay đổi đáng kể có thể ảnh hưởng đến tính hiệu lực của bản Ý kiến sau khi được cấp.

- disputes arise in relation to the mark in connection with competition law or intellectual property rights.

  Phát sinh tranh chấp liên quan đến dấu thẩm tra/thẩm định trong phạm vi luật cạnh tranh hoặc quyền sở hữu trí tuệ.

- the mark and/or the Opinion are used in a manner contrary to the provisions of Item 2,

  Dấu và/hoặc bản Ý kiến bị sử dụng sai mục đích, không tuân thủ quy định tại Mục 2.

- the results of the follow-up verification/validation no longer support maintenance of the Opinion,

  Kết quả của đợt thẩm tra/thẩm định bổ sung không còn đủ căn cứ duy trì bản Ý kiến đã ban hành.

- insolvency proceedings are opened against the assets of the client or an application for opening of such proceedings directed against the client is refused due to lack of assets,

  Doanh nghiệp khách hàng bị mở thủ tục phá sản hoặc đơn xin mở thủ tục phá sản bị từ chối do không đủ tài sản.

- follow-up verification/validation cannot be performed within the specified periods for reasons attributable to the client,

  Không thể thực hiện thẩm tra/thẩm định định kỳ trong thời gian quy định do lỗi từ phía khách hàng.

After termination, the Opinion must be returned to the Verification/Validation body, even if permission to market the remaining stocks with the mark still applies (where relevant).

Sau khi quyền sử dụng bị chấm dứt, khách hàng phải hoàn trả lại bản Ý kiến cho Tổ chức Thẩm tra/Thẩm định, kể cả trong trường hợp được phép tiếp tục lưu hành hàng tồn kho có mang dấu phù hợp (nếu có).

4.2 Verification/Validation body

Tổ chức thẩm tra/thẩm định

The Verification/Validation body is entitled to suspend or terminate an Opinion, and thus the entitlement to use the mark, where the Verification/Validation body subsequently becomes aware of new corresponding information pertaining to the assessment of the verification/validation procedure or its result.

Tổ chức Thẩm tra/Thẩm định có quyền tạm đình chỉ hoặc chấm dứt hiệu lực của bản Ý kiến, và theo đó thu hồi quyền sử dụng dấu phù hợp, trong trường hợp phát hiện thông tin mới có liên quan đến đánh giá quy trình hoặc kết quả thẩm tra/thẩm định.

In relation to verification, the Verification body reserves the right to decide regarding the issue, refusal, maintenance of Opinion, extension or restriction of the scope of verification, renewal, suspension or reinstatement following suspension, or withdrawal.

Đối với hoạt động thẩm tra, Tổ chức Thẩm tra có quyền quyết định về việc cấp, từ chối cấp, duy trì, mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi, gia hạn, tạm dừng, khôi phục (sau tạm dừng) hoặc thu hồi bản Ý kiến.

Where the grounds specified in 2.1 apply, the Verification/Validation body has the right to initiate a decertification procedure following expert analysis, and to suspend the Opinion, withdraw it, or declare it to be invalid. Where a client can demonstrate, at the latest 6 months after a suspension, that the situation again corresponds to the verification/validation requirements, the Opinion may be reinstated or revised accordingly. Any additional costs associated with this shall be paid by the client.

Nếu các căn cứ được nêu tại Mục 2.1 xảy ra, Tổ chức Thẩm tra/Thẩm định có quyền khởi động quy trình hủy chứng nhận sau khi có phân tích chuyên môn, bao gồm: tạm đình chỉ bản Ý kiến, thu hồi bản Ý kiến, hoặc tuyên bố bản Ý kiến vô hiệu. Nếu khách hàng chứng minh được, trong vòng tối đa 6 tháng kể từ ngày bị tạm đình chỉ, rằng tình hình đã được khắc phục và đáp ứng lại các yêu cầu thẩm tra/thẩm định, bản Ý kiến có thể được khôi phục hoặc điều chỉnh lại. Mọi chi phí phát sinh thêm cho quá trình này sẽ do khách hàng chi trả.

4.3 Client

Khách hàng

Where the right to use is terminated, the client is obliged to immediately withdraw all Opinions (originals, copies, PDF documents) from circulation and destroy them, and to cease advertising using the Opinions. The same applies to the use of the marks. Appropriate evidence of this must be provided to the Verification/Validation body.

Khi quyền sử dụng bị chấm dứt, khách hàng phải ngay lập tức thu hồi toàn bộ bản Ý kiến (bản gốc, bản sao, file PDF) khỏi mọi kênh lưu hành và tiến hành tiêu hủy. Đồng thời, khách hàng phải ngừng mọi hoạt động quảng bá sử dụng bản Ý kiến và dấu phù hợp. Khách hàng cần cung cấp bằng chứng phù hợp cho Tổ chức Thẩm tra/Thẩm định để xác nhận việc đã thực hiện nghĩa vụ này.

4.4 Right to immediate termination of the contract

Quyền chấm dứt hợp đồng ngay lập tức

The Verification/Validation body has the right to terminate the contract relationship with immediate effect if the client has been prohibited from using the Opinion and its marks in a legally binding manner. The same applies to the Opinions.

Tổ chức Thẩm tra/Thẩm định có quyền chấm dứt hợp đồng ngay lập tức nếu khách hàng bị cấm sử dụng Ý kiến hoặc dấu phù hợp theo quyết định có hiệu lực pháp lý. Quy định này cũng được áp dụng đối với các bản Ý kiến thẩm tra/thẩm định liên quan.